

Số: 20/2025/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 15 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng
bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 228/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; cá nhân sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải phù hợp với Danh mục mạng lưới tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và lộ trình chuyển đổi năng lượng xanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng

bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên cơ sở nguồn lực của tỉnh và được cân đối bố trí hàng năm.

3. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ cao nhất.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân có phương tiện, kết cấu hạ tầng được hỗ trợ lãi suất đầu tư chấm dứt phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trước khi hết thời hạn hỗ trợ lãi suất thì thời gian hỗ trợ lãi suất được tính đến thời điểm ngừng phục vụ hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

5. Kinh phí hỗ trợ phải được thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tiết kiệm, công khai minh bạch, đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả.

Điều 3. Hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án đầu tư phương tiện xe buýt

1. Điều kiện được hỗ trợ

a) Có dự án đầu tư mới phương tiện xe buýt chưa qua sử dụng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật để phục vụ vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

b) Có vay vốn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư mới phương tiện xe buýt chưa qua sử dụng và sử dụng đúng mục đích vốn vay.

c) Các tổ chức, cá nhân là đơn vị kinh doanh vận tải có trụ sở chính đặt tại địa bàn tỉnh Lạng Sơn và được Sở Xây dựng cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trong đó có loại hình vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và chấp thuận hoạt động trên các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Mức hỗ trợ lãi suất

a) Đối với dự án đầu tư phương tiện sử dụng xăng, dầu số tiền hỗ trợ đối với 01 dự án là 3%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.

b) Đối với dự án đầu tư phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh số tiền hỗ trợ đối với 01 dự án là 4%/năm tính trên số dư nợ vay thực tế.

3. Thời gian hỗ trợ

a) Đối với dự án đầu tư phương tiện sử dụng xăng, dầu thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 07 năm.

b) Đối với dự án đầu tư phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh thời gian hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 10 năm.

c) Thời điểm bắt đầu hỗ trợ lãi suất vay vốn tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng của tổ chức tín dụng.

Điều 4. Hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án đầu tư xây dựng kết cấu

hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Điều kiện được hỗ trợ

a) Có dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật.

b) Có vay vốn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện đầu tư xây dựng bãi đỗ xe có trạm sạc điện phục vụ phương tiện xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh.

c) Các tổ chức, cá nhân là đơn vị kinh doanh có trụ sở chính đặt tại địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Mức hỗ trợ lãi suất

Đối với dự án đầu tư xây dựng bãi đỗ xe buýt có trạm sạc điện cho phương tiện xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh, số tiền hỗ trợ đối với 01 dự án là 5%/năm tính trên số dư nợ gốc vay thực tế.

3. Thời gian hỗ trợ

Hỗ trợ theo thời gian vay vốn thực tế nhưng tối đa không quá 05 năm, thời điểm bắt đầu hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng của tổ chức tín dụng.

Điều 5. Hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Điều kiện được hỗ trợ

a) Đảm bảo các quy định hiện hành trong hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Tuyến xe buýt được hỗ trợ

- Tuyến xe buýt đang hoạt động có hỗ trợ giá trên địa bàn tỉnh: Tuyến Mai Pha - Na Sầm và Tuyến Bến xe Phía Bắc - Na Dương.

- Căn cứ danh mục mạng lưới tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và điều kiện thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tuyến xe buýt có điểm đến khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, điểm du lịch và có phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh được hỗ trợ.

2. Mức hỗ trợ:

a) Đối với tuyến xe buýt đang hoạt động:

- Tuyến Mai Pha - Na Sầm: hỗ trợ 138.000 đồng/chuyến;

- Tuyến Bến xe Phía Bắc - Na Dương: hỗ trợ 130.000 đồng/chuyến.

b) Đối với tuyến xe buýt có phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh được hỗ trợ mới: căn cứ các chính sách, chế độ định mức quy định của pháp luật hiện hành, tình hình hoạt động thực tế và đề xuất của đơn vị kinh doanh vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định mức hỗ trợ.

3. Thời hạn hỗ trợ:

Thời hạn hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tuyến xe buýt quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo hợp đồng đặt hàng hằng năm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết với đơn vị kinh doanh vận tải khai thác trên tuyến.

Điều 6. Miễn, giảm giá vé cho đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Điều kiện được miễn, giảm giá vé

a) Trẻ em dưới 6 tuổi: có Giấy khai sinh, thẻ căn cước hoặc giấy tờ hợp pháp khác chứng minh dưới 6 tuổi.

b) Người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật, hộ nghèo, người có công với cách mạng (Theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng): có giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp.

c) Người cao tuổi (Theo Luật người Cao tuổi): có căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc giấy tờ hợp pháp khác chứng minh là người cao tuổi.

d) Học sinh, sinh viên, người lao động tại các khu, cụm công nghiệp: có thẻ học sinh, sinh viên, thẻ làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc giấy tờ hợp pháp khác.

2. Mức hỗ trợ

a) Miễn giá vé: Trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng, người có công với cách mạng (Theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng) sinh sống trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

b) Giảm giá vé: giảm 50% giá vé đối với người cao tuổi (theo Luật người Cao tuổi), người khuyết tật, hộ nghèo; giảm 20% đối với học sinh, sinh viên đang học các trường, người lao động là công dân sinh sống trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn khi sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

3. Cơ chế hỗ trợ kinh phí thực hiện miễn, giảm giá vé

a) Đối với các tuyến xe buýt được hỗ trợ theo Điều 5 Nghị quyết này, ngân sách nhà nước không bố trí kinh phí riêng cho miễn/giảm giá vé; các tổ chức, cá nhân là đơn vị kinh doanh vận tải trích từ chính nguồn hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải công cộng bằng xe buýt đã nêu tại Điều 5 của Nghị quyết này.

b) Đối với các tuyến xe buýt không được hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng: các đơn vị kinh doanh vận tải sẽ được bù đắp từ nguồn ngân sách nhà nước cho doanh thu bị thiếu hụt tương ứng với số lượng vé miễn, giảm giá đã phát hành cho các đối tượng ưu tiên đáp ứng đủ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Xử lý trong trường hợp các tổ chức, cá nhân vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích

Khi phát hiện tổ chức, cá nhân sử dụng vốn vay sai mục đích, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét dừng hoặc không cấp hỗ trợ lãi suất, yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn trả số tiền đã hỗ trợ (nếu có), và chỉ đạo thu hồi kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

Bổ trí từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2025.

Đối với Điều 5 Nghị quyết này về hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ ba mươi chín thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng;
- Cục KTVB và Quản lý XLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước KV5;
- Các VP: Tỉnh ủy, ĐBQH và HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Đài PTTH Lạng Sơn, Cổng TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Liên thông Hệ thống phần mềm HĐND;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu